

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ BIỆN PHÁP CẦM GIỮ  
TÀI SẢN VÀ BẢO LƯU QUYỀN SỞ HỮU

*MAI QUANG HỢP\**

*NGUYỄN NGỌC HUY\*\**

*Ngày nhận bài: 03/05/2024*

*Ngày phản biện: 12/06/2024*

*Ngày đăng bài: 30/06/2024*

***Tóm tắt:***

Lần đầu tiên, Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 ghi nhận cầm giữ tài sản và bảo lưu quyền sở hữu là hai trong chín biện pháp bảo đảm đã mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng. Các biện pháp bảo đảm được hình thành và thừa nhận với mục đích nhằm bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho bên nhận bảo đảm khi các bên còn lại không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, vi phạm nghĩa vụ khi tham gia giao kết hợp đồng, giao dịch dân sự. Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về hai biện pháp bảo đảm mới trong BLDS 2015, tác giả cho rằng còn nhiều vấn đề cần bàn luận và trao đổi thêm về quy định của hai biện pháp này liên quan đến: đối tượng và phạm vi điều chỉnh; quyền và nghĩa vụ các bên; về xử lý tài sản bảo đảm, để từ đó, đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện nội dung của quy định về biện pháp cầm giữ tài sản và bảo lưu quyền sở hữu. Việc bình luận hai biện pháp nêu trên

***Abstract:***

For the first time, the Civil Code 2015 recognizes the pledge of property and the reservation of ownership as two of the nine security measures, which carry significant implications. These security measures are established and recognized with the aim of protecting the secured party's interests when the other parties fail to fulfill, improperly fulfill, or breach their contractual or civil transaction obligations. In examining these two new security measures under the Civil Code 2015, the author identifies several areas that require further discussion, particularly concerning the subjects and scope of regulation, the rights and obligations of the parties, and the handling of collateral. Based on this analysis, a number of recommendations are proposed to improve the regulations on pledging assets and reserving ownership. The analysis of

---

\* ThS, Phó Trưởng phòng, Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, email: hop.mai@eiu.edu.vn;

\*\* ThS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: huynn@hul.edu.vn

có tham chiếu quy định pháp luật về cầm giữ tài sản và bảo lưu quyền sở hữu của một số nước trên thế giới.

**Từ khoá:**

cầm giữ tài sản; bảo lưu quyền sở hữu; phạm vi và đối tượng; quyền và nghĩa vụ; xử lý tài sản bảo đảm

these two measures also references legal provisions related to property retention and ownership reservation in various countries around the world.

**Keywords:**

pledge of assets; reservation of ownership; scope and subjects; rights and obligations; disposal of collateral

## 1. Đặt vấn đề

Việc BLDS năm 2015 ghi nhận thêm hai biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: cầm giữ tài sản và bảo lưu quyền sở hữu là phù hợp với sự phát triển thực tiễn đời sống dân sự và thông lệ pháp luật quốc tế. Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu nội dung của các quy định liên quan đến hai biện pháp này, chúng tôi cho rằng còn nhiều vấn đề cần tiếp tục được trao đổi, mổ xẻ để các quy định ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với thực tiễn, thể hiện đúng bản chất và đặc điểm của một biện pháp bảo đảm, nhằm bảo đảm sự hài hòa quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch có sử dụng biện pháp bảo đảm; đồng thời nhằm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của bên nhận bảo đảm được tốt hơn. Ngoài ra cần có sự tham chiếu với các quy định về cầm giữ tài sản và bảo lưu quyền sở hữu trong BLDS năm 2015 với pháp luật chuyên ngành và quy định của một số nước trên thế giới.

## 2. Biện pháp cầm giữ tài sản

### 2.1. Khái niệm về biện pháp cầm giữ tài sản

Tài sản là một thuật ngữ pháp lý được sử dụng phổ biến trong xã hội có nhà nước, có pháp luật và có tư hữu; các quyền và lợi ích của chủ thể đối với một đối tượng mà pháp luật quy định là tài sản<sup>1</sup>.

Cầm giữ tài sản có thể hiểu là hành vi giữ, chiếm lấy tạm thời tài sản của người khác để gây sức ép buộc người có tài sản thực hiện một việc gì đó. Cầm giữ tài sản được quy định trong luật pháp của một số nước có nền tư pháp tiến bộ như: Thụy Sĩ, Nhật Bản, Pháp, Đức. Trong BLDS Thụy Sĩ, quy định vật cầm giữ được xem như vật cầm cố pháp

---

<sup>1</sup> Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Công an nhân dân, tr.202

định và hiệu lực của cầm giữ được công nhận tính đồng nhất như quyền cầm cố thông thường<sup>2</sup>. Trong BLDS Nhật Bản, cầm giữ tài sản cũng là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bên cạnh những quy định lâu đời như cầm cố, thế chấp và cũng được quy định tại Điều 521 Luật Thương mại Nhật Bản<sup>3</sup>. Tại Pháp, Điều 67 đến Điều 70 Hiệp định thống nhất về biện pháp bảo đảm sửa đổi năm 2010 coi quyền cầm giữ tài sản là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.<sup>4</sup> Ở Việt Nam, cầm giữ tài sản được quy định trong BLDS 2015 và một số luật chuyên ngành như: Bộ luật Hàng hải 2015, Luật Thương mại 2005. Hệ thống pháp luật một số nước trên thế giới đã coi cầm giữ tài sản là một biện pháp quan trọng, cần thiết trong việc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự. Do đó, việc ghi nhận biện pháp này là một trong những biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng trong BLDS 2015 là thiết yếu, phù hợp với bối cảnh thời đại và thông lệ quốc tế.

Tại Điều 346 BLDS 2015, có định nghĩa: *“Cầm giữ tài sản là việc bên có quyền (sau đây gọi là bên cầm giữ) đang nắm giữ hợp pháp tài sản là đối tượng của hợp đồng song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Xuất phát điểm của cầm giữ tài sản là mối liên hệ giữa nghĩa vụ giao tài sản đang được tạm ngừng và nghĩa vụ đối xứng của phía bên kia, nghĩa là cả hai đều thuộc phạm vi của một hợp đồng<sup>5</sup>. Việc cầm giữ tài sản phải xuất phát từ một hợp đồng song vụ nơi mà các bên tham gia giao dịch có nghĩa vụ với nhau, đối tượng của hợp đồng song vụ phải là tài sản, có thể là động sản hoặc bất động sản. Quy định này cũng không chỉ rõ tài sản loại nào mà chỉ nêu tài sản chung chung và tài sản này được cầm giữ một cách hợp pháp, không được thực hiện bằng bạo lực, nhâm lãn, lừa dối hay bất cứ nguyên nhân nào nằm ngoài ý định của người chủ sở hữu tài sản<sup>6</sup>. Việc cầm giữ tài sản có hiệu lực trong trường hợp mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Ví dụ, A đến tiệm xe của B để sửa chiếc xe máy, tuy nhiên, sau khi sửa xong, A đã không thanh toán đầy đủ chi phí sửa xe cho B. Vì vậy, B có quyền giữ lại chiếc xe máy của A cho đến khi A hoàn thành xong việc thanh toán cho B. Như vậy, có thể hiểu nếu

---

<sup>2</sup> Phùng Trung Tập (2018), *“Bàn về cầm giữ tài sản một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”*, Tạp chí Kiểm sát, số 09 (tháng 5/2018), tr.38

<sup>3</sup> Phùng Trung Tập (2018), *tlđđ*, tr.36-37

<sup>4</sup> Lê Minh Hùng (2015) *“Hoàn thiện các quy định chung về giao dịch bảo đảm trong Bộ luật dân sự năm 2005”*, Tạp chí Khoa học pháp lý, (1), tr.57-66

<sup>5</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), *Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ*, Nxb. ĐHQG-HCM, tr.224

<sup>6</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), *sđđ*, tr.227

nghĩa vụ phát sinh từ một giao dịch dân sự không phải là hợp đồng song vụ thì bên có quyền không được quyền cầm giữ tài sản. Ví dụ, A nhận được 2 triệu do B đánh rơi thì A không có quyền cầm giữ tài sản đó để yêu cầu B thanh toán các chi phí bảo quản tài sản khi B đến nhận lại tài sản đó. Ví dụ này minh họa cho mối quan hệ song vụ phát sinh trong thực tế. Về đối tượng của cầm giữ là tài sản của hợp đồng song vụ, như vậy, đối tượng là công việc và ở đó tài sản là nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ thì chưa được quy định minh thị. Định nghĩa này không thể hiện liệu tài sản được cầm giữ có thể được dùng để thanh toán trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình hay không. Mặc dù vậy, cầm giữ tài sản vẫn được ghi nhận là một trong chín biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thay vì chỉ là một biện pháp khác phục vi phạm hợp đồng<sup>7</sup>.

Theo chúng tôi, cầm giữ tài sản là việc bên có quyền (sau đây gọi là bên cầm giữ) đang nắm giữ tài sản hợp pháp có liên quan đến nghĩa vụ được bảo đảm trong quan hệ song vụ được chiếm giữ tài sản trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

## **2.2. Đặc điểm của biện pháp cầm giữ tài sản**

Dựa trên các quy định về biện pháp cầm giữ tài sản từ Điều 346-350 BLDS 2015 thì ngoài các đặc điểm chung với tám biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác thì biện pháp cầm giữ tài sản còn có những đặc điểm riêng biệt.

Thứ nhất, không phải là biện pháp được xác lập do các bên thỏa thuận mà luật định. Khác với các biện pháp bảo đảm như cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, đặt cọc, bảo lãnh... được xác lập dựa trên sự thỏa thuận thì cầm giữ tài sản do luật quy định. Sự thỏa thuận chỉ củng cố thêm sự tồn tại của cầm giữ tài sản chứ không đóng vai trò tiên quyết trong việc xác lập<sup>8</sup>. Ví dụ: A thuê B để gia công một số khuôn mẫu đóng giày dép. A giao cho B nguyên liệu là các khối sắt, đồng để thực hiện việc gia công. Hai bên đã thỏa thuận A sẽ trả trước 40% tiền công và 60% tiền công còn lại sẽ được thanh toán khi B hoàn thành việc gia công và hai bên ký biên bản thanh lý, nghiệm thu. Tuy nhiên, sau khi B gia công xong và các thủ tục pháp lý giữa hai bên đã hoàn tất thì A không trả đủ 60% tiền công còn lại. Lúc này B có quyền cầm giữ các khuôn mẫu đã làm, mà không cần thỏa thuận với A cho đến khi A thực hiện xong việc thanh toán tiền công.

---

<sup>7</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), sdd, tr.225

<sup>8</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), sdd, tr.226.

Thứ hai, biện pháp bảo đảm này không quy định về thời gian cầm giữ tài sản: Điều này cũng có những vấn đề phát sinh cho cả bên nhận bảo đảm và bên bảo đảm. Khi bên bảo đảm vi phạm nghĩa vụ, chưa có khả năng thanh toán cho bên nhận bảo đảm thì bên có quyền phải giữ gìn, bảo quản tài sản lúc này nhiều khả năng sẽ phát sinh chi phí quản lý, đặc biệt đối với tài sản dễ hư hỏng thì chi phí sẽ tăng cao hơn. Điều này vô hình trung làm phát sinh thêm chi phí, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với bên có quyền. Ngược lại, bên bảo đảm ở hiện tại chưa có khả năng chi trả, thực hiện nghĩa vụ thì lại tăng thêm nghĩa vụ về các chi phí phát sinh từ việc giữ gìn, bảo quản của bên nhận bảo đảm. Càng tăng thêm nghĩa vụ, đồng nghĩa với việc khó khăn hơn trong việc hoàn thành nghĩa vụ của các bên trong giao dịch này.

Thứ ba, là biện pháp bảo đảm dựa trên sự chiếm hữu phát sinh từ thực tế đang nắm giữ tài sản của bên cầm giữ điếm này có sự tương đồng với biện pháp cầm cố tức là đang cầm, giữ tài sản đảm bảo của bên có nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, có sự khác biệt cơ bản đó là đối với cầm cố thì tài sản được chuyển giao theo sự thỏa thuận, còn biện pháp cầm giữ không theo thỏa thuận và tài sản đã được bên nhận bảo đảm chiếm hữu từ trước<sup>9</sup>.

Thứ tư, biện pháp bảo đảm được xác lập khi nghĩa vụ đã bị vi phạm: hiệu lực của việc cầm, giữ tài sản chỉ có hiệu lực kể từ khi hợp đồng song vụ bị vi phạm nghĩa vụ.

### **2.3. Về đối tượng và phạm vi quan hệ được áp dụng cầm giữ**

*Theo quy định hiện hành, đối tượng của cầm giữ là tài sản có thể là động sản hoặc bất động sản; tài sản vô hình hoặc hữu hình. Có quan điểm cho rằng BLDS hiện hành không quy định rằng tài sản cầm giữ phải là vật đặc định, nhưng khi bên cầm giữ chuyển giao tài sản, họ phải chuyển đúng vật đó. Vì vậy, tài sản cầm giữ phải là vật đặc định, bởi chỉ có vật đặc định mới có thể được xác định và phân biệt với các vật khác bằng các đặc điểm riêng biệt như ký hiệu, hình dáng, màu sắc, chất liệu, đặc tính và vị trí. Ngoài ra, những vật cùng loại cũng có thể được cầm giữ. Tài sản cầm giữ phải là những tài sản hiện có, không thể là những tài sản hình thành trong tương lai, và quyền tài sản không thể là đối tượng của cầm giữ, vì bên cầm giữ phải chuyển giao thực tế tài sản cho bên đó<sup>10</sup>. Một quan điểm khác cũng cho rằng tài sản vô hình không thể được nắm giữ dưới hình thức vật chất,*

---

<sup>9</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), sdd, tr.226

<sup>10</sup> Võ Thanh Hiền (2017), *Cầm giữ tài sản theo quy định của BLDS Việt Nam năm 2015*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, tr.35-37

mà chỉ có thể được quản lý thông qua tài liệu chứng minh quyền sở hữu. Hơn nữa, nhiều loại tài sản vô hình được thiết lập tự động mà không cần đăng ký tại cơ quan chính phủ có thẩm quyền. Điều này làm cho việc xác định tài sản để thực hiện biện pháp cầm giữ trở nên phức tạp hơn, ví dụ như quyền tài sản liên quan đến quyền tác giả. Theo quan điểm này, cần làm rõ quy định về đối tượng của biện pháp cầm giữ tài sản cho phù hợp, có thể xem xét chỉ áp dụng biện pháp này cho các tài sản hữu hình<sup>11</sup>. Đồng quan điểm trên, có ý kiến cho rằng về nguyên tắc quyền cầm giữ tài sản chỉ được thực hiện trên các tài sản hữu hình<sup>12</sup>. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng với sự phát triển của quan hệ tài sản cho phép hình dung khả năng thực hiện quyền cầm giữ đối với tất cả các loại tài sản tức bao gồm tài sản hữu hình và vô hình<sup>13</sup>. Đồng quan điểm này, có ý kiến cho rằng trong BLDS 2015 chỉ đề cập đến đối tượng là tài sản mà không có sự phân biệt loại tài sản hữu hình hay vô hình khi điều chỉnh cầm giữ tài sản nên tất cả các loại tài sản hữu hình hay vô hình về nguyên tắc đều có thể là đối tượng của cầm giữ tài sản. Ý kiến này cũng lấy ví dụ tại Pháp, một thời gian dài, án lệ và học lý đã cho rằng chỉ tài sản hữu hình mới có thể là đối tượng được cầm giữ nhưng cầm giữ ngày càng được mở rộng cho cả tài sản không hữu hình<sup>14</sup>.

Về giá trị của tài sản cầm giữ thì có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm. Thông thường, giá trị của tài sản bảo đảm phải lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm để đảm bảo rằng giá trị tài sản bảo đảm sau khi bị xử lý sẽ đủ để thanh toán các khoản tài chính khác như chi phí bảo quản, chi phí xử lý tài sản,... Tuy nhiên, các bên có thể thỏa thuận rằng giá trị tài sản bảo đảm sẽ bằng hoặc nhỏ hơn giá trị của nghĩa vụ. Quy định này mở rộng quyền tự do thỏa thuận giữa các bên trong việc xác định giá trị của tài sản. Tuy nhiên, đối với biện pháp bảo đảm, các bên trong hợp đồng song vụ không thỏa thuận về biện pháp tài sản cầm giữ; vì vậy, bên cầm giữ không thể đoán trước giá trị của tài sản cầm giữ sẽ lớn hơn giá trị của nghĩa vụ trong hợp đồng hay không. Trong thực tế, có

---

<sup>11</sup> Nguyễn Thị Phương Hải (2020), *Một số vấn đề về bảo đảm thực hiện hợp đồng song vụ bằng biện pháp cầm giữ tài sản*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 02-2020, tr.48-49

<sup>12</sup> Bùi Đức Giang (2014), *Cầm giữ tài sản có phải là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 22/2014, tr.36

<sup>13</sup> Nguyễn Ngọc Điện (2022), *Pháp luật Cộng hòa Pháp về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến động sản: quyền cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu và giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, truy cập tại <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211386>, truy cập ngày 07/8/2023

<sup>14</sup> Đỗ Văn Đại (2021), *Luật các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 2*, Nxb. Hồng Đức, tr.707

nhiều trường hợp mà giá trị của tài sản cầm giữ có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị của nghĩa vụ được bảo đảm.

Như vậy, tài sản cầm giữ theo quy định của BLDS 2015 là tài sản có thể hữu hình; vô hình hay động sản; bất động sản. Điều này giống với quy định của Pháp (Điều 2286), nước này cũng không phân biệt tài sản cầm giữ là hữu hình hay vô hình như đã phân tích ở trên hay cũng không có sự phân biệt tài sản động sản hay bất động sản<sup>15</sup>, hay quy định đối tượng của quyền cầm giữ theo Nhật Bản<sup>16</sup>; còn tại Điều 447 Trung Quốc quy định tài sản cầm giữ là động sản (nhưng cũng không có sự phân biệt tài sản hữu hình hay tài sản vô hình)<sup>17</sup>. Tài sản này có thể có giá trị lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm, thuộc sở hữu của bên vi phạm nghĩa vụ hoặc của một bên thứ ba và là đối tượng của hợp đồng song vụ.

Theo quy định của Điều 346 BLDS 2015, biện pháp tài sản cầm giữ chỉ được áp dụng trong hợp đồng song vụ có đối tượng là tài sản. Hợp đồng song vụ là một dạng hợp đồng mà mỗi bên đều có nghĩa vụ (khoản 1, Điều 402 BLDS 2015). Một vấn đề cần xem xét là việc hợp đồng song vụ có thể chia thành hai loại: hợp đồng có tính chất đền bù và hợp đồng không có tính chất đền bù. Trong những hợp đồng không có tính chất đền bù, như hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng mượn tài sản, và hợp đồng cho ở nhờ nhà, bên có quyền không giữ lại bất kỳ tài sản nào của bên có nghĩa vụ. Thay vào đó, bên có quyền chỉ có thể yêu cầu bên nhận tài sản trả lại khi nghĩa vụ theo hợp đồng đến hạn. Do đó, trong trường hợp hợp đồng song vụ không có tính chất đền bù, việc áp dụng biện pháp bảo đảm như tài sản cầm giữ để thực hiện nghĩa vụ không được đề cập đến<sup>18</sup>. Thêm vào đó, trong thực tế, biện pháp tài sản cầm giữ không chỉ áp dụng cho các bên trong hợp đồng song vụ mà hoàn toàn có thể áp dụng trong các mối quan hệ song vụ. Ví dụ đầu năm 2024, có con bò (trị giá khoảng 10 triệu đồng) của B lạc vào đất vườn của A. Vì không biết B là ai, con bò cũng không chịu đi, A đã giữ lại chăm sóc, đồng thời A đã thực hiện các quy định về thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Sau 10 tháng, kể từ ngày thông báo công khai

---

<sup>15</sup> *Bộ luật Dân sự Pháp*, Bản dịch, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, Phạm Thị Liên Hương và các cộng sự (dịch), 2018

<sup>16</sup> Điều 295 Bộ luật Dân sự Nhật Bản (bản tiếng Anh)

<sup>17</sup> *Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020*, Bản dịch và lược giải, Lê Khánh Linh và các cộng sự (dịch), Nxb. ĐHQG-HN

<sup>18</sup> Phùng Trung Tập (2018), tldđ, tr.34

thì đã tìm được chủ của con bò là B và B yêu cầu A trả lại con bò cho mình. B có nghĩa vụ phải trả cho A chi phí hợp lý vì A đã bỏ tiền, công sức để nuôi con bò này trong 10 tháng qua. Trong trường hợp này, A và B là chủ thể trong quan hệ song vụ. Nếu B chưa thanh toán cho A đủ số tiền đã thỏa thuận thì A có quyền giữ con bò này cho đến khi B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán. Trên thực tế, phạm vi có thể áp dụng biện pháp tài sản cầm giữ rất rộng. Việc BLDS 2015 chỉ quy định cầm giữ trong hợp đồng song vụ đã hạn chế phạm vi áp dụng của biện pháp này.

BLDS 2015 giới hạn việc áp dụng biện pháp tài sản cầm giữ trong hợp đồng song vụ có đối tượng là tài sản, thì Luật Thương mại 2005 lại cho phép bên có quyền cầm giữ trong trường hợp hợp đồng song vụ có đối tượng là công việc phải thực hiện, như trong quan hệ đại diện hoặc hoạt động logistics. Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 cũng quy định về việc cầm giữ hàng hải, áp dụng trong các hoạt động như hoa tiêu, cho thuê cầu cảng và cứu hộ tàu biển<sup>19</sup>.

#### **2.4. Hiệu lực đối kháng với người thứ ba**

Hiệu lực đối kháng với người thứ ba được quy định tại khoản 1, Điều 297 BLDS 2015 cụ thể: *“Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm.”* và đồng thời tại điểm a, khoản 1 Điều 308 có quy định: *“trường hợp các biện pháp bảo đảm đều phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng”*. Có thể thấy trong quy định tại Điều 297 thì chưa thực sự rõ khi sử dụng cụm từ *“bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm”* vì cụm từ này chắc chắn bao gồm người cầm cố tài sản, người nhận đặt cọc, người nhận ký cược nhưng chưa rõ có bao gồm *“người cầm giữ tài sản”* tại Điều 346 BLDS 2015. Tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 347 có quy định: *“Cầm giữ tài sản phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm bên cầm giữ chiếm giữ tài sản”*. Như vậy, kết hợp giữa các quy định tại Điều 297 và Điều 347 của BLDS 2015 thì có thể khẳng định quy định về hiệu lực đối kháng thông qua nắm giữ, chiếm giữ áp dụng cho cả người nắm giữ tài sản trong khuôn khổ cầm giữ tài sản<sup>20</sup>. Trong trường hợp, cầm giữ tồn tại sau đăng ký thì cầm giữ không được ưu tiên so với biện pháp bảo đảm đã được đăng ký, và

---

<sup>19</sup> Xem theo quy định tại Điều 149, 239 của Luật Thương 2005 và Điều 40, 41 của Bộ luật Hàng Hải 2015

<sup>20</sup> Đỗ Văn Đại (2023), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Hồng Đức, tr.359



ngược lại nếu cầm giữ tồn tại trước đăng ký thì cầm giữ được ưu tiên so với biện pháp bảo đảm được đăng ký<sup>21</sup>.

### 2.5. Về quyền của bên cầm giữ

Quyền của bên cầm giữ được quy định tại Điều 348 BLDS 2015<sup>22</sup>. Quyền đầu tiên là “yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh” trong hầu hết giao dịch mà có sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên, chứ không chỉ dừng lại trong hợp đồng song vụ. Tiếp đến là nghĩa vụ liên quan đến các chi phí cần thiết phát sinh từ việc giữ gìn, bảo quản tài sản bảo đảm. Điều đáng chú ý đó là quyền về khai thác tài sản cầm giữ để thu hoa lợi, lợi tức đó là bên cầm giữ chỉ có thể được sử dụng, khai thác và đầu tư để tạo ra các giá trị mới từ tài sản đang nắm giữ, nếu được bên có nghĩa vụ đồng ý. Liệu chủ sở hữu có sẵn sàng cho người khác sử dụng, khai thác tài sản của mình. Việc quy định phải có sự đồng ý vô hình trung làm hạn chế sự tạo ra giá trị gia tăng của tài sản gây tổn thất chung cho xã hội. Đáng chú ý, quy định này có vẻ là một bước lùi so với quy định tại BLDS 2005, cụ thể tại điểm b, khoản 2 Điều 416 “*Thu hoa lợi từ tài sản cầm giữ và được dùng để bù trừ nghĩa vụ*”, có nghĩa không cần sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, bên cầm giữ tài sản hoàn toàn có thể sử dụng, khai thác và đầu tư vào tài sản bảo đảm để thu về hoa lợi, lợi tức. Ngoài ra, pháp luật một số quốc gia như Nhật Bản và Trung Quốc tiếp cận theo hướng trao cho bên cầm giữ các quyền này, mà không cần sự đồng ý của bên có nghĩa vụ<sup>23,24</sup>. Những điểm rất khác so với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền của bên cầm giữ.

Bên có quyền cầm giữ không được xử lý tài sản bảo đảm có quan điểm đã nhận định “mục đích của biện pháp cầm giữ không phải là để hướng tới xử lý tài sản bảo đảm để bảo vệ cho bên có quyền, do đó việc xử lý tài sản bảo đảm không đặt ra trong quan hệ cầm giữ”<sup>25</sup>. Đặc điểm này được quy định trong pháp luật của nhiều quốc gia như Anh, Pháp hay

---

<sup>21</sup> Đỗ Văn Đại (2023), sđd, tr.358

<sup>22</sup> Xem quy định chi tiết tại Điều 348 BLDS 2015

<sup>23</sup> Theo Điều 297 Đoạn 1, BLDS Nhật Bản có quy định người có quyền cầm giữ có thể thu các hoa lợi, lợi tức từ tài sản và giữ lại để đáp ứng yêu cầu của chính người đó trước những người có nghĩa vụ khác xem thêm Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), *Quyền của bên cầm giữ tài sản theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử theo link <https://tapchitoaan.vn/bien-phap-bao-dam-bao-luu-quyen-so-huu-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia8787.html>, truy cập ngày 24/8/2023

<sup>24</sup> Xem thêm Điều 452 Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020

<sup>25</sup> Phan Thị Hồng (2023), tldd

Nhật Bản và Việt Nam cũng tiếp cận theo hướng tương tự<sup>26</sup>. Người nhận bảo đảm không được xử lý tài sản bảo đảm khi bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Trong trường hợp, bên có nghĩa vụ trong hợp đồng cố tình kéo dài thời gian thực hiện hoặc hoàn thành việc thực hiện nghĩa vụ sẽ gây bất lợi cho người có quyền. Bởi lẽ, họ cho rằng bên nhận bảo đảm không có quyền xử lý tài sản của họ, mà phải giữ gìn và bảo quản (khoản 1, Điều 349 BLDS 2015), không chỉ dừng ở đó bên có quyền còn phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp làm mất hoặc hư hỏng tài sản cầm giữ (khoản 5, Điều 349 BLDS 2015). Điều này có thể hiểu, nhà làm luật đang có xu hướng bảo vệ người có nghĩa vụ (bên bảo đảm) nhiều hơn bên có quyền (bên nhận bảo đảm). Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật chuyên ngành, tại khoản 1, Điều 239 Luật Thương mại 2005 có quy định thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics có quyền định đoạt hàng hóa với quy định trước khi định đoạt hàng hoá, thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics phải thông báo ngay cho khách hàng biết về việc định đoạt hàng hoá đó. Đồng thời, mọi chi phí cầm giữ, định đoạt hàng hóa do bên có nghĩa vụ (khách hàng) chịu. Đồng thời, khi đối sánh với pháp luật Trung Quốc, nước này đã trao cho bên quyền cầm giữ nhiều quyền hơn trong đó cho phép xử lý tài sản cầm giữ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ<sup>27</sup>.

Biện pháp bảo đảm nghĩa vụ một khi phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba sẽ mang lại hai lợi ích cho bên nhận bảo đảm, bao gồm quyền ưu tiên thanh toán và quyền truy đòi đối với tài sản bảo đảm (khoản 2, Điều 297 BLDS 2015). Đối với cầm giữ tài sản, hiệu lực đối kháng với người thứ ba sẽ phát sinh kể từ thời điểm bên cầm giữ chiếm giữ tài sản (khoản 2, Điều 347 BLDS 2015). Tuy nhiên, điều này dường như không mang lại nhiều ý nghĩa cho bên cầm giữ trong cầm giữ tài sản, bởi do bên cầm giữ không được pháp luật trao quyền xử lý tài sản<sup>28</sup>. Ngoài ra, hiệu lực đối kháng phát sinh từ thời điểm bên cầm giữ chiếm giữ tài sản, do đó, vì bất cứ lý do nào (bị mất, hư hỏng...) mà bên cầm giữ không còn chiếm giữ tài sản trên thực tế hay tài sản cầm giữ không còn thì quyền truy đòi cũng không còn ý nghĩa cho bên cầm giữ. Vì thế mà quyền cầm giữ tài sản được xem là một quyền khá hạn chế so với các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ khác<sup>29</sup>.

---

<sup>26</sup> Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), tldđ

<sup>27</sup> Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020

<sup>28</sup> Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), tldđ

<sup>29</sup> Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), tldđ

Khác với luật chung, pháp luật chuyên ngành đang có những quy định phù hợp với thực tiễn đúng bản chất của biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, xu hướng pháp lý của các nước trên thế giới cụ thể bảo đảm quyền lợi của người cầm giữ tài sản, hàng hóa và các chứng từ khác, trong đó có quyền ưu tiên thanh toán cao hơn của biện pháp cầm giữ so với các biện pháp bảo đảm khác<sup>30</sup>. Cũng theo quy định tại Điều 456 BLDS Trung Quốc “*Một động sản đã thiết lập quyền thế chấp hoặc quyền cầm cố, đồng thời đang bị cầm giữ thì người có quyền cầm giữ được ưu tiên nhận đền bù*” Cách tiếp cận này mang lại nhiều lợi thế cho bên cầm giữ, bởi nếu bên cầm giữ tài sản không được quyền ưu tiên khi xử lý tài sản bảo đảm, dễ dẫn đến nhiều tiêu cực phát sinh<sup>31</sup>.

### **2.6. Một số giải pháp hoàn thiện quy định về cầm giữ tài sản**

Đối với những quy định về biện pháp bảo đảm là cầm giữ tài sản, qua quá trình tổng hợp, tìm hiểu và nghiên cứu các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành, tham khảo các tài liệu và các quy định pháp luật của một số quốc gia khác trên thế giới, chúng tôi cho rằng nhà làm luật cần lưu ý thêm các vấn đề: 1) Cần xem xét mở rộng đối tượng của hoạt động cầm giữ không chỉ dừng lại ở tài sản mà còn là các chứng từ, tài liệu liên quan khác có thể bảo đảm bên cầm giữ có thể gây sức ép cho bên có nghĩa vụ thực hiện sớm, đúng nghĩa vụ; 2) Quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ có thể là sự thỏa thuận của các bên hoặc theo luật định; 3) Ngoài phạm vi áp dụng là hợp đồng song vụ đã có hiệu lực thì cần xem xét mở rộng phạm vi áp dụng đối với các hợp đồng song vụ vô hiệu đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên hay các trường hợp không có hợp đồng (quan hệ song vụ), nhưng có phát sinh nghĩa vụ trong thực tế mà cần có biện pháp cầm giữ để bảo đảm quyền lợi của người đang cầm giữ; 4) Cần xem xét về việc cho phép bên cầm giữ có quyền xử lý tài sản đặc biệt đối với các loại hàng hóa tươi sống, để hư hỏng có thời gian bảo đảm ngắn. Cách thức, phương án xử lý có thể do các bên thỏa thuận hoặc luật định để bảo đảm sự hài hòa lợi ích của các bên; 5) Xem xét về quyền ưu tiên thanh toán khi phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba của bên cầm giữ tài sản so với các biện pháp bảo đảm khác.

## **3. Biện pháp bảo lưu quyền sở hữu**

### **3.1. Khái niệm bảo lưu quyền sở hữu**

---

<sup>30</sup> Xem thêm quy định tại Điều 40, Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015

<sup>31</sup> Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), tldd

Bảo lưu quyền sở hữu đã được quy định định trong BLDS 1995 và 2005 (Điều 45 BLDS 1995 và Điều 461 BLDS 2005). Điểm khác biệt trong BLDS qua các thời kỳ đó là trong BLDS 2015, bảo lưu quyền sở hữu được quy định là một trong chín biện pháp bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ dân sự. Theo quy định tại khoản 1, Điều 331 BLDS 2015 thì bảo lưu quyền sở hữu được miêu tả như sau: “*Trong hợp đồng mua bán, quyền sở hữu tài sản có thể được bên bán bảo lưu cho đến khi nghĩa vụ thanh toán được thực hiện đầy đủ*”. Bên cạnh đó, Luật Kinh doanh bất động sản 2014 cũng có quy định về việc “*được bảo lưu quyền sở hữu nhà, công trình xây dựng khi thuê mua chưa thanh toán đủ tiền thuê mua*”<sup>32</sup>

Ở nhiều nước trên thế giới Anh, Đức, Thụy Sĩ... không thừa nhận bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm. Điều này dựa trên căn cứ bên mua chưa có quyền sở hữu tài sản để tạo lập một giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Bên bán vẫn là chủ sở hữu có quyền tuyệt đối, đối kháng lại với phần còn lại của thế giới mà không cần thêm các thủ tục đăng ký<sup>33</sup>.

Ở Việt Nam, với việc quy định bảo lưu quyền sở hữu được ghi nhận ở cả hai chế định đó là hợp đồng và bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự<sup>34</sup> thì bảo lưu quyền sở hữu đã được nâng tầm vị trí trong quan hệ pháp luật dân sự. Đây là cơ sở vững chắc để bên bán có thể bảo vệ quyền lợi của mình trong hợp đồng mua bán tài sản; đồng thời, đây cũng là một cơ sở pháp lý để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự trong thực tế<sup>35</sup>. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng việc ghi nhận bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm không thực sự có nhiều ý nghĩa, vì nó có phạm vi điều chỉnh hẹp trong các hợp đồng mua bán tài sản và chỉ nhằm bảo đảm quyền của chủ sở hữu trong trường hợp bên mua không thanh toán đủ tiền. Vì vậy, không xuất hiện việc ưu tiên thanh toán như các biện pháp bảo đảm khác mà chỉ là việc giữ nguyên quyền sở hữu và nhận lại tài sản bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán<sup>36</sup>. Ngoài ra, cũng có những ý kiến về một số nội dung như: đối tượng của bảo lưu quyền sở hữu là tài sản mua bán (một loại tài sản) hay là quyền sở hữu tài sản

---

<sup>32</sup> Khoản 5, Điều 32, Luật Kinh doanh bất động sản 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2019, 2020)

<sup>33</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), sđd, tr.236

<sup>34</sup> Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), *Hoàn thiện quy định pháp luật về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-bao-luu-quyen-so-huu-trong-bo-luat-dan-su-nam-20157950.html>, truy cập ngày 10/8/2023

<sup>35</sup> Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), tldd

<sup>36</sup> Trương Thanh Đức (2022), sđd, tr.262

(một loại vật quyền); phạm vi bảo đảm của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu là gì? giá trị đích thực của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu là gì? phạm vi áp dụng của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu là gì?<sup>37</sup> ...

Như vậy, có thể thấy tại BLDS 2015 đã không đưa ra định nghĩa cụ thể về bảo lưu quyền sở hữu mà chỉ mô tả quá trình phát sinh, cách thức thực hiện biện pháp, cụ thể trong hợp đồng mua bán tài sản, bên bán được bảo lưu và chỉ chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên mua khi và chỉ khi nghĩa vụ thanh toán được thực hiện đúng và đầy đủ.

### **3.2. Đặc điểm của bảo lưu quyền sở hữu**

Bảo lưu quyền sở hữu có những đặc điểm của một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Ngoài ra, bảo lưu quyền sở hữu cũng mang những đặc điểm riêng để phân biệt với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khác, cụ thể<sup>38</sup>:

*Thứ nhất*, tạo ra một quyền lợi bảo đảm có tính phụ thuộc vào nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán.

Bên bán không được sử dụng hoặc khai thác kinh tế đối với tài sản bảo đảm. Họ chỉ có quyền ưu tiên thanh toán từ tài sản này khi bên mua không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, đủ nghĩa vụ hay nói cách khác, bên mua không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền mua tài sản. Tính phụ thuộc còn thể hiện ở chỗ sự tồn tại và chấm dứt của quyền lợi bảo đảm này không thể tách rời với sự tồn tại và chấm dứt của nghĩa vụ thanh toán. Khi bên mua hoàn thành việc thanh toán thì bảo lưu quyền sở hữu cũng chấm dứt.

*Thứ hai*, mang lại quyền ưu tiên thanh toán cho bên bán đối với tài sản được bảo lưu quyền sở hữu.

Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ của Việt Nam hiện hành về cơ bản xác định ưu tiên thanh toán đối với tài sản bảo đảm cho nhiều nghĩa vụ dựa trên thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba. Do đó, bảo lưu quyền sở hữu chỉ cần xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba bằng thủ tục đăng ký và không chịu sự cạnh tranh nào từ phía các chủ nợ có bảo đảm. Vấn đề thứ tự ưu tiên gần như không đặt ra vì đây là biện pháp duy nhất cho phép xử lý tài sản bảo đảm bằng quyền đòi lại tài sản (Điều 332 BLDS 2015).

---

<sup>37</sup> Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), tldd

<sup>38</sup> Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), sđd, tr.237-239

*Thứ ba*, quyền lợi bảo đảm phát sinh từ bảo lưu quyền sở hữu là do quyền sở hữu được giữ lại cho bên bán, không phải do bên mua tạo ra từ tài sản thuộc sở hữu của mình.

Trong bảo lưu quyền sở hữu, bên mua (người bảo đảm) không có quyền sở hữu đối với tài sản bảo đảm, tức bên bán vẫn là chủ sở hữu của tài sản mua bán và quyền sở hữu tài sản vẫn được chuyển giao như thỏa thuận bảo lưu quyền sở hữu (khoản 1, Điều 295 BLDS 2015). Việc bên bán giữ lại quyền sở hữu hàng hóa chính là sự bảo đảm cho việc bên mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán, thay vì nghĩa vụ này được bảo đảm bằng tài sản của bên mua như quan niệm thông thường về giao dịch bảo đảm.

*Thứ tư*, chỉ bên bán bảo lưu quyền sở hữu trong hợp đồng mua bán mới có thể nhận bảo đảm quyền bằng bảo lưu quyền sở hữu.

Nếu không phải là bên bán bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp hợp đồng mua bán thì không thể xác lập được loại giao dịch bảo đảm này. Vai trò trung tâm của quyền sở hữu ngăn cản các bên khác tham gia vào việc cấp tín dụng có bảo đảm bằng chính tài sản tạo lập được trên khoản tiền vay bởi vì họ không phải là người chủ sở hữu của tài sản. Khi quyền đòi nợ được chuyển giao sang cho người thứ ba thì quyền sở hữu cũng chấm dứt. Người nhận chuyển quyền đòi nợ không thể nhận chuyển giao quyền sở hữu vốn đã được cam kết cho bên mua bằng hợp đồng mua bán phát sinh quyền đòi nợ đó. Đây có thể là một điểm gây tranh luận liệu bảo lưu quyền sở hữu chấm dứt trong trường hợp này có ngay lập tức làm phát sinh việc chuyển quyền sở hữu tài sản sang bên mua hay không.

### **3.3. Về phạm vi áp dụng của bảo lưu quyền sở hữu**

Có thể hiểu việc bảo lưu quyền sở hữu được ghi nhận trong các hợp đồng mua bán tài sản, bao gồm cả việc thuê mua liên quan đến nghĩa vụ thanh toán của bên mua hoặc bên thứ ba đối với bên bán tài sản. Ngoài ra, bảo lưu quyền sở hữu được ghi nhận là một biện pháp bảo đảm, tức trong các giao dịch về chuyển giao quyền sở hữu phải đồng thời có động tác chuyển quyền sở hữu tài sản và làm phát sinh nghĩa vụ của bên được chuyển giao quyền sở hữu. Điều đó có nghĩa, bảo lưu quyền sở hữu được hình thành trên cơ sở các hợp đồng song vụ. Như vậy, hợp đồng mua bán chỉ là loại điển hình của hợp đồng song vụ có chuyển giao quyền sở hữu tài sản. Căn cứ tính chất của việc chuyển dịch và phát sinh nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu có thể thấy hợp đồng trao đổi tài sản cũng có những tính chất trên. Tại khoản 4, Điều 455 BLDS năm 2015 quy định: “*Mỗi bên đều được coi là người bán đối với tài sản giao cho bên kia và là người mua đối với tài sản nhận về.* Các

quy định về hợp đồng mua bán từ Điều 430 đến Điều 439, từ Điều 441 đến Điều 449 và Điều 454 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với hợp đồng trao đổi tài sản”. Như vậy, theo các quy định nêu trên, bảo lưu quyền sở hữu tài sản có thể được áp dụng cả đối với hợp đồng trao đổi tài sản<sup>39</sup>.

### **3.4. Đối tượng và hình thức của bảo lưu quyền sở hữu**

Các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 331 BLDS 2015 chưa có quy định rõ ràng về đối tượng của biện pháp bảo đảm bảo lưu quyền sở hữu, nhưng có thể thấy nhà làm luật đang đề cập đến việc bảo lưu quyền sở hữu trong các hợp đồng mua bán, quyền sở hữu tài sản. Đối tượng của hợp đồng mua bán có thể là bất động sản, động sản đăng ký quyền sở hữu và các loại tài sản khác. Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, người mua chỉ trở thành chủ sở hữu khi đã hoàn tất việc đăng ký quyền sở hữu. Trong trường hợp tài sản không cần đăng ký, quyền sở hữu sẽ được chuyển giao cho người mua ngay khi họ nhận tài sản. Tuy nhiên, khi mua bán theo hình thức trả chậm hoặc trả dần, quyền sở hữu có thể được xác lập hoặc hạn chế theo quy định pháp luật hoặc thỏa thuận giữa các bên. Thông thường, trong hợp đồng mua bán trả chậm, bên mua chỉ được công nhận quyền sở hữu tài sản sau khi đã thanh toán toàn bộ số tiền mua, trừ khi có thỏa thuận khác hoặc quy định pháp luật khác.

Để bảo đảm việc thanh toán tiền mua trả chậm hoặc trả dần, pháp luật cho phép các bên thỏa thuận về biện pháp bảo lưu quyền sở hữu của bên bán cho đến khi bên mua hoàn tất việc thanh toán. Điều này có nghĩa là quyền sở hữu của bên bán vẫn tồn tại đối với tài sản và họ có quyền đòi lại tài sản, ngay cả khi bên mua đã đăng ký quyền sử dụng, chẳng hạn như trong trường hợp mua trả chậm xe ô tô hoặc xe máy. Hợp đồng mua bán là hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản, nhưng trong trường hợp mua trả chậm, quyền sở hữu chưa được chuyển giao hoàn toàn cho người mua<sup>40</sup>. Mặc dù vậy, người mua có thể bán, cho tặng hoặc đổi tài sản cho người khác mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bán. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của bên bán, các bên cần ghi rõ trong hợp đồng mua bán hoặc lập hợp đồng riêng về bảo lưu quyền sở hữu và đăng ký biện pháp này<sup>41</sup>.

---

<sup>39</sup> Đoàn Thị Ngọc Diệp (2017), *Cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu theo Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, truy cập tại <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208054>, truy cập ngày 09/8/2023

<sup>40</sup> Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), tldd

<sup>41</sup> Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2017), sdd, tr.529

### **3.5. Hiệu lực đối kháng với người thứ ba**

Khoản 3, Điều 331 BLDS 2015 quy định: “*Bảo lưu quyền sở hữu phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký*” có thể thấy việc đăng ký bảo lưu quyền sở hữu không được xem như một quy định bắt buộc về hình thức để thỏa thuận này có hiệu lực. Nó chỉ là cơ sở để làm phát sinh giá trị đối kháng của biện pháp bảo lưu quyền sở hữu với người thứ ba<sup>42</sup>. Việc đăng ký bảo lưu quyền sở hữu phải diễn ra trước thời điểm cầm cố hay đăng ký thế chấp thì mới có hiệu lực ưu tiên<sup>43</sup>. Điều này có nghĩa nếu việc đăng ký bảo lưu quyền sở hữu diễn ra sau thời điểm cầm cố và đăng ký thế chấp thì người nhận đảm bảo hoàn toàn có quyền ưu tiên xử lý tài sản cầm cố hoặc thế chấp đồng thời đang được bảo lưu quyền sở hữu tức việc bảo lưu quyền sở hữu lúc này đã bị xâm phạm (không còn hoặc chỉ còn một phần tài sản còn lại sau khi trả nợ cho bên cầm cố và bên nhận thế chấp), người nhận bảo đảm trong trường hợp này hay nói cách là người bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu chịu rủi ro rất cao trong việc bảo vệ quyền của mình. Đặc biệt, đối với các tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu (laptop, điện thoại thông minh...), quyền sử dụng thì người nhận bảo lưu quyền càng gặp rủi ro nhiều hơn.

Có thể thấy rằng pháp luật chưa có những quy định rõ ràng nào bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người bán. Trong hợp đồng mua bán tài sản có bảo đảm bằng việc bảo lưu quyền sở hữu, các bên sẽ có nhiều nghĩa vụ với nhau chứ không chỉ dừng lại ở nghĩa vụ thanh toán. Khi quy định thêm các nghĩa vụ ràng buộc thì có thể quyền của người nhận bảo đảm sẽ được bảo vệ tốt hơn. Dưới góc độ pháp luật so sánh, chúng ta có thể tham khảo quy định của Trung Quốc về các “nghĩa vụ khác” đối với hợp đồng mua bán tài sản có áp dụng biện pháp bảo lưu quyền sở hữu<sup>44</sup>. “Nghĩa vụ khác” ở đây đề cập tới việc các bên có thể thỏa thuận về việc bên mua tài sản đang bảo lưu quyền sở hữu thì không được mang đi cầm cố, thế chấp cho bên thứ ba đặc biệt đối với các tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.

### **3.6. Chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu**

Theo quy định tại Điều 334 BLDS 2015 bảo lưu quyền sở hữu có thể chấm dứt trong các trường hợp sau: “*1. Nghĩa vụ thanh toán cho bên bán được thực hiện xong. 2. Bên bán nhận lại tài sản bảo lưu quyền sở hữu. 3. Theo thỏa thuận của các bên.*”

---

<sup>42</sup> Đoàn Thị Ngọc Diệp (2017), tldd

<sup>43</sup> Trương Thanh Đức (2022), sđd, tr.262

<sup>44</sup> Xem thêm quy định tại Điều 641, Bộ luật Dân sự Trung Quốc 2020



Thứ nhất, nghĩa vụ thanh toán cho bên bán đã được hoàn tất. Khi đó, bên mua đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, việc chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp này phù hợp với thỏa thuận ban đầu của các bên khi ký kết hợp đồng mua bán.

Thứ hai, bên bán nhận lại tài sản được bảo lưu quyền sở hữu. Việc này xảy ra khi hợp đồng mua bán không hoàn thành như mong đợi của các bên. Theo Điều 332 BLDS 2015, khi bên bán đòi lại tài sản, họ phải trả lại cho bên mua số tiền đã thanh toán sau khi trừ đi hao mòn của tài sản trong quá trình sử dụng. Như vậy, hậu quả của việc chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu giống như khi hợp đồng bị hủy bỏ hoặc tuyên bố vô hiệu, tức là các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Mặc dù BLDS 2015 không quy định rõ ràng về tình trạng của hợp đồng mua bán khi bảo lưu quyền sở hữu chấm dứt, nhưng việc bên bán nhận lại tài sản và bên mua nhận lại tiền cho thấy hợp đồng mua bán đã đương nhiên chấm dứt.

Thứ ba, theo thỏa thuận của các bên. Đây là trường hợp bảo lưu quyền sở hữu chấm dứt theo ý chí của các bên. Việc chấm dứt này có thể xảy ra ngay cả khi bên mua đã thanh toán hoặc chưa thanh toán hết số tiền mua tài sản.

BLDS 2015 chỉ quy định ba trường hợp chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu, tuy nhiên, trong thực tế, bảo lưu quyền sở hữu có thể chấm dứt trong các trường hợp khác như: tài sản bảo lưu quyền sở hữu không còn, hoặc được thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác. Mỗi trường hợp chấm dứt bảo lưu quyền sở hữu đều ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Do đó, các bên cần thỏa thuận rõ ràng về căn cứ chấm dứt để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

### **3.7. Quyền của bên mua tài sản**

Quyền của bên mua tài sản được quy định tại khoản 1, Điều 333 BLDS 2015 quy định: “*Sử dụng tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản trong thời hạn bảo lưu quyền sở hữu có hiệu lực*”. Có thể hiểu mặc dù chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, bên mua vẫn có thể khai thác sử dụng và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản trong thời hạn bảo lưu quyền sở hữu có hiệu lực. Việc này rất có lợi cho bên mua vì có thể thu được tiền, lợi ích để phục vụ nhu cầu cá nhân vừa tích lũy tiền để thực hiện việc thanh toán cho bên bán. Điều này cũng hợp lý bởi lẽ thực chất tài sản đã đang được bên mua chiếm hữu và sử dụng, bên bán chỉ giữ quyền sở hữu.

Trong thời đại ngày nay, việc phát triển và sử dụng xe công nghệ ngày càng tăng thì việc người mua xe ô tô, xe máy để chạy dịch vụ (Grab, Be...) là một ví dụ điển hình của

việc mua tài sản trả dần và người mua xe sử dụng, khai thác tài sản phục vụ nhu cầu, lợi ích cá nhân và tích góp tiền để thanh toán cho bên bán. Nghĩa vụ của bên mua khi sử dụng tài sản được bảo lưu quyền sở hữu trong thời gian hiệu lực được quy định tại khoản 2, Điều 333 của Bộ luật này: “*Chịu rủi ro về tài sản trong thời hạn bảo lưu quyền sở hữu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Trong quá trình khai thác và sử dụng, nếu người mua làm hao mòn tài sản (ngoài hao mòn tự nhiên), họ phải chịu rủi ro về tài sản trong thời gian bảo lưu quyền sở hữu. Nếu đến hết thời hạn bảo lưu mà bên mua vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ, họ phải bồi thường cho bên bán những thiệt hại đã gây ra. Ngược lại, nếu bên mua đã hoàn thành nghĩa vụ khi hết thời hạn bảo lưu, họ sẽ chịu rủi ro về tài sản trong quá trình sử dụng. Các bên có thể thỏa thuận khác về việc chịu rủi ro tài sản trong thời gian bảo lưu quyền sở hữu.

### **3.8. Về quyền đòi lại tài sản**

Quyền đòi lại tài sản của bên nhận bảo lưu quyền sở hữu được quy định tại Điều 332 BLDS 2015. Trong các quan hệ giao dịch kinh doanh, việc mua chậm trả dần là một phương án kinh tế, đòn bẩy tài chính được sử dụng hết sức phổ biến. Trong quan hệ mua bán theo hình thức mua chậm trả dần, bên mua được chiếm hữu, sử dụng tài sản mua mặc dù chưa thanh toán tiền, vì vậy bên mua hoàn toàn có khả năng trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên bán. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của bên bán, luật có quy định về trường hợp bên bán có quyền đòi lại tài sản khi bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Việc định đoạt tài sản của bên mua phải được thực hiện dưới sự kiểm soát của bên bán cho đến khi bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Trong hợp đồng mua bán tài sản theo hình thức trả chậm, bên mua thanh toán một phần tiền trước, phần còn lại sẽ được thanh toán sau trong thời gian mà hai bên đã thỏa thuận. Vì vậy, khi bên bán đòi lại tài sản, họ phải trả lại cho bên mua số tiền đã thanh toán trước đó, sau khi trừ đi giá trị hao mòn của tài sản trong quá trình sử dụng và khai thác của bên mua. Tuy nhiên, trong thời hạn bảo lưu quyền sở hữu, bên mua hoặc bên thứ ba có thể đầu tư vào tài sản, người đầu tư có thể là bên mua hoặc bên thứ ba tùy vào từng trường hợp và nội dung này được quy định tại khoản 1, Điều 41 Nghị định số 21/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Từ quy định về việc đòi lại tài sản này, chúng ta có thể trao đổi một số vấn đề:

Về điều kiện thực hiện, trong quy định về thời hạn thanh toán do hai bên thỏa thuận. Vậy trong trường hợp, hai bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán thì sẽ xử lý như thế nào. Trong trường hợp này, do không có quy định cụ thể về bảo lưu quyền sở hữu, ta phải áp dụng các quy định chung về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán. Cụ thể, khoản 3, Điều 434 BLDS 2015 quy định rằng: "*Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản*". Trong thực tế, nhiều trường hợp bên mua cố tình sử dụng tài sản mà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, và bên bán cũng không thể lấy lại tài sản. Hơn nữa, đối với các tài sản được đăng ký chứng nhận quyền sở hữu, thời điểm đăng ký đã làm cho bên mua trở thành chủ sở hữu, ví dụ như xe máy, ô tô. Trong trường hợp này, bên bán không còn là chủ sở hữu mà chỉ giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu. Điều này tạo ra rủi ro lớn cho bên bán, trong khi bên mua có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến tài sản. Có thể thấy, do tài sản có áp dụng biện pháp bảo lưu quyền sở hữu được luật quy định quyền khá lớn cho người nắm tài sản trên thực tế, cụ thể ở đây là người mua. Họ được quyền sử dụng và khai thác, đầu tư. Không chỉ bản thân người mua đầu tư và có thể bên thứ ba đầu tư vào tài sản cũng được pháp luật xem xét, ghi nhận và bảo vệ quyền lợi. Vì vậy, việc đòi và trả lại tài sản khi bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán có thể xảy ra các trường hợp:

Trong trường hợp, bên mua hoặc bên thứ ba đầu tư làm tăng giá trị của tài sản tức lúc này tài sản được bảo lưu quyền sở hữu có giá trị lớn hơn giá trị thực hiện nghĩa vụ. Đối với trường hợp này, theo quy định tại Điều 322 BLDS 2015, bên bán hoàn trả cho bên mua số tiền bên mua đã thanh toán sau khi trừ đi giá trị hao mòn tài sản do sử dụng và khai thác, đầu tư. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1, Điều 41 Nghị định 21/2021/NĐ-CP cũng nêu rõ tại thời điểm hoàn trả, giá trị tài sản lớn hơn giá trị tài sản ban đầu do bên mua hoặc bên thứ ba đã đầu tư làm tăng giá trị tài sản thì bên bán phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho người đã đầu tư vào tài sản. Việc quy định trả lại phần chênh lệch như hiện nay có thể hiểu là trả toàn bộ giá trị chênh lệch, liệu việc này có thật sự công bằng với bên có quyền. Chúng tôi cho rằng trong trường hợp này cần xem xét vai trò của người bán dưới dạng "góp vốn" vào việc tạo ra phần giá trị chênh lệch. Bởi vì nếu bên mua không thực sự có ý định mua tài sản, họ có thể trì hoãn việc thanh toán và sử dụng tài sản một cách tùy tiện,

thiếu trách nhiệm, dẫn đến bên bán phải gánh chịu hậu quả<sup>45</sup>. Ngoài ra, theo quy định, bên bán phải hoàn trả cho bên mua số tiền đã thanh toán, trừ đi giá trị hao mòn của tài sản do sử dụng. Tuy nhiên, quy định này lại không tính đến các chi phí khác mà bên bán phải chịu, chẳng hạn như phí môi giới, phí bảo hiểm và các chi phí liên quan khác khi giao kết và thực hiện hợp đồng<sup>46</sup>.

Một trường hợp khác là khi giá trị tài sản bảo đảm nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ phải thực hiện, hiện nay pháp luật chưa có quy định rõ ràng về cách xử lý tình huống này, khi đối sánh với quy định của Trung Quốc và Pháp có thể thấy trường hợp này được quy định rõ ràng, cụ thể hơn<sup>47</sup>.

### **3.9. Một số giải pháp hoàn thiện quy định về quyền bảo lưu tài sản**

Từ các vấn đề đã phân tích về quyền bảo lưu tài sản, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn chế định này.

Một là, các nhà làm luật nên nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung và cập nhật các quy định để bảo đảm quyền lợi hợp pháp và chính đáng của các bên (bên bán, bên mua và bên thứ ba đã đầu tư vào tài sản mua), đặc biệt là quyền của bên bán (bên có quyền). Ngoài

ra, pháp luật nên quy định bổ sung trong trường hợp sau khi bên bán lấy lại tài sản, nếu giá trị tài sản còn lại nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ, thì bên bán có quyền đòi bên mua phải trả cho đủ. Ngược lại, nếu giá trị tài sản còn lại lớn hơn giá trị nghĩa vụ thì người bán, người mua và bên thứ ba có thể thỏa thuận để xử lý phần chênh lệch này, bảo đảm lợi ích hợp lý giữa các bên liên quan.

Hai là, nghiên cứu việc mở rộng phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm không chỉ dừng lại ở nghĩa vụ thanh toán mà còn có các nghĩa vụ khác (chi phí khác để giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán phát sinh<sup>48</sup>...) do các bên thỏa thuận cũng cần được bảo đảm.

Tiếp đến, nghiên cứu bổ sung thêm các trường hợp chấm dứt quyền bảo lưu tài sản có thể xảy ra trong thực tế thay vì chỉ có ba trường hợp chấm dứt như quy định hiện hành.

Cuối cùng, nghiên cứu bổ sung quy định trong trường hợp các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán thì bên bán có thể thông báo cho bên mua biết trong một khoảng thời gian nhất định, cụ thể và bên mua đã nhận được thông tin về khoảng thời gian đó, để

---

<sup>45</sup> Nguyễn Ngọc Điện (2022), tldd

<sup>46</sup> Liên Đăng Phước Hải và Vũ Cao Nguyên (2023), tldd

<sup>47</sup> Xem thêm Liên Đăng Phước Hải và Vũ Cao Nguyên (2023), tldd và

<sup>48</sup> Liên Đăng Phước Hải và Vũ Cao Nguyên (2023), tldd

bên mua thực hiện nghĩa vụ và chuyển giao quyền sở hữu đã bảo lưu. Nếu quá thời hạn do bên bán thông báo, bên bán có quyền thực hiện cơ chế lấy lại tài sản bảo đảm để xử lý<sup>49</sup>.

#### 4. Kết luận

Qua quá trình tìm hiểu, tổng hợp và nghiên cứu các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành (luật chung và pháp luật chuyên ngành) kết hợp việc tham khảo các tài liệu và các quy định pháp luật của một số quốc gia khác trên thế giới, chúng tôi cho rằng nhà làm luật của Việt Nam cần quan tâm nghiên cứu thêm các vấn đề liên quan đến biện pháp cầm giữ tài sản và biện pháp bảo lưu quyền sở hữu như có lộ trình về việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định hiện tại của Bộ luật hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn minh thị, chi tiết về các nội dung của hai biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nêu trên sao cho các biện pháp này ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với đời sống pháp luật dân sự trong thực tiễn và thông lệ quốc tế.

#### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 1995, năm 2005, năm 2015.
2. Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.
3. Luật Thương mại năm 2005.
4. Luật Kinh doanh bất động sản 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2019, 2020).
5. Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
6. *Bộ luật Dân sự Pháp*, Bản dịch, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, Phạm Thị Liên Hương và các cộng sự (dịch), 2018.
7. *Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020*, Bản dịch và lược giải, Lê Khánh Linh và các cộng sự (dịch), Nxb. ĐHQG-HN.
8. Bộ luật Dân sự Nhật Bản (bản tiếng Anh).
9. Bùi Đức Giang (2014), *Cầm giữ tài sản có phải là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 22/2014.

---

<sup>49</sup> Liên Đăng Phước Hải và Vũ Cao Nguyên (2023), *Biện pháp bảo đảm bảo lưu quyền sở hữu theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/bien-phap-bao-dam-bao-luu-quyen-so-huu-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia8787.html>, truy cập ngày 08/8/2023.

10. Đỗ Văn Đại (2021), *Luật các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, tập 2*, Nxb. Hồng Đức.
11. Đỗ Văn Đại (2023), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Hồng Đức.
12. Đoàn Thị Ngọc Hải (2023), *Hoàn thiện quy định pháp luật về bảo lưu quyền sở hữu trong Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-bao-luu-quyen-so-huu-trong-bo-luat-dan-su-nam-20157950.html>, truy cập ngày 10/8/2023.
13. Đoàn Thị Ngọc Diệp (2017), *Cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu theo Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, truy cập tại <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208054>, truy cập ngày 09/8/2023.
14. Giáp Minh Tâm (2017), *Bảo lưu quyền sở hữu theo pháp luật dân sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
15. Lê Vũ Nam và các cộng sự (2020), *Pháp luật về bảo đảm nghĩa vụ*, Nxb. ĐHQG-HCM.
16. Lê Minh Hùng (2015) “*Hoàn thiện các quy định chung về giao dịch bảo đảm trong Bộ luật dân sự năm 2005*”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*.
17. Liên Đăng Phước Hải và Mai Hoàng Phước (2023), *Quyền của bên cầm giữ tài sản theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/bien-phap-bao-dam-bao-luu-quyen-so-huu-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia8787.html>, truy cập ngày 24/8/2023.
18. Liên Đăng Phước Hải và Vũ Cao Nguyên (2023), *Biện pháp bảo đảm bảo lưu quyền sở hữu theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/bien-phap-bao-dam-bao-luu-quyen-so-huu-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia8787.html>, truy cập ngày 08/8/2023.
19. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nxb. Công an nhân dân.
20. Nguyễn Thị Phương Hải (2020), *Một số vấn đề về bảo đảm thực hiện hợp đồng song vụ bằng biện pháp cầm giữ tài sản*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 02-2020.

21. Nguyễn Ngọc Điện (2022), *Pháp luật Cộng hòa Pháp về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến động sản: quyền cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu và giá trị tham khảo cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp điện tử, truy cập tại <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211386>, truy cập ngày 07/8/2023.

22. Phan Thị Hồng (2023), *Cầm giữ tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/cam-giu-tai-san-de-bao-dam-thuc-hien-nghia-vu-theo-phap-luat-viet-nam8841.html>, truy cập ngày 24/8/2023.

23. Phùng Trung Tập (2018), “*Bàn về cầm giữ tài sản một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*”, Tạp chí Kiểm sát, số 09 (tháng 5/2018).

24. Võ Thanh Hiền (2017), *Cầm giữ tài sản theo quy định của BLDS Việt Nam năm 2015*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.